Chi tiết mã HS 8413

Mã HS	8413
Mô tả hàng hóa	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng
Đơn vị	
Thời điểm tạo	02/11/2026 06:50:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/8413/

43 dòng thuế thuộc 8413

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8413.11.00	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm có lắp hoặc thiết kế để lắp thiết bị đo: / - - Bơm phân phối nhiên liệu hoặc dầu bôi trơn, loại dùng cho trạm đổ xăng hoặc cho gara	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.19.10	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm có lắp hoặc thiết kế để lắp thiết bị đo: / - - Loại khác: / - - - Hoạt động bằng điện	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.19.20	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm có lắp hoặc thiết kế để lắp thiết bị đo: / - - Loại khác: / - - - Không hoạt động bằng điện	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.20.10	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm tay, trừ loại thuộc phân nhóm 8413.11 hoặc 8413.19: / - - Bơm nước	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.20.20	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm tay, trừ loại thuộc phân nhóm 8413.11 hoặc 8413.19: / - - Bơm hút sữa	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8413.20.90	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm tay, trừ loại thuộc phân nhóm 8413.11 hoặc 8413.19: / - - Loại khác	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.30.30	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm nhiên liệu, dầu bôi trơn hoặc bơm chất làm mát, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Bơm nhiên liệu loại sử dụng cho động cơ của xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.30.40	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm nhiên liệu, dầu bôi trơn hoặc bơm chất làm mát, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Bơm nước loại được sử dụng cho động cơ của xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04 (SEN)	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.30.51	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm nhiên liệu, dầu bôi trơn hoặc bơm chất làm mát, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại khác, loại ly tâm: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200 mm	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.30.52	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm nhiên liệu, dầu bôi trơn hoặc bơm chất làm mát, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại khác, loại ly tâm: / - - - Với đường kính cửa hút trên 200 mm	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.30.90	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm nhiên liệu, dầu bôi trơn hoặc bơm chất làm mát, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - Loại khác	chiếc	4,5%	3%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.40.00	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm bê tông	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.50.31	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm hoạt động kiểu piston chuyển động tịnh tiến khác: / - - Bơm nước, với lưu lượng không quá 8.000 m^3/h: / - - - Hoạt động bằng điện	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.50.32	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm hoạt động kiểu piston chuyển động tịnh tiến khác: / - - Bơm nước, với lưu lượng không quá 8.000 m^3/h: / - - - Không hoạt động bằng điện	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.50.40	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm hoạt động kiểu piston chuyển động tịnh tiến khác: / - - Bơm nước, với lưu lượng trên 8.000 m^3/h nhưng không quá 13.000 m^3/h	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8413.50.90	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm hoạt động kiểu piston chuyển động tịnh tiến khác: / - - Loại khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.60.31	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm hoạt động kiểu piston quay khác: / - - Bơm nước, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h: / - - - Hoạt động bằng điện	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.60.32	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm hoạt động kiểu piston quay khác: / - - Bơm nước, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h: / - - - Không hoạt động bằng điện	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.60.40	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm hoạt động kiểu piston quay khác: / - - Bơm nước, với lưu lượng trên 8.000 m³/h nhưng không quá 13.000 m³/h	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.60.90	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm hoạt động kiểu piston quay khác: / - - Loại khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.11	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước một tầng, một chiều hút, trục ngang được truyền động bằng dây đai hoặc khớp nối trực tiếp, trừ loại bơm đồng trục với động cơ: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200 mm (SEN)	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.19	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước một tầng, một chiều hút, trục ngang được truyền động bằng dây đai hoặc khớp nối trực tiếp, trừ loại bơm đồng trục với động cơ: / - - - Loại khác (SEN)	chiếc	30%	20%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.31	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước được thiết kế đặt chìm dưới nước: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200 mm	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.39	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước được thiết kế đặt chìm dưới nước: / - - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.42	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước khác, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200 mm, hoạt động bằng điện	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8413.70.43	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước khác, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200 mm, không hoạt động bằng điện	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.49	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước khác, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h: / - - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.51	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước khác, với lưu lượng trên 8.000 m³/h nhưng không quá 13.000 m³/h: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200 mm	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.59	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Bơm nước khác, với lưu lượng trên 8.000 m³/h nhưng không quá 13.000 m³/h: / - - - Loại khác	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.91	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Loại khác: / - - - Với đường kính cửa hút không quá 200 mm	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.70.99	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm ly tâm khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.81.13	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm khác; máy đẩy chất lỏng: / - - Bơm: / - - - Bơm nước, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h, hoạt động bằng điện	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.81.14	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm khác; máy đẩy chất lỏng: / - - Bơm: / - - - Bơm nước, với lưu lượng không quá 8.000 m³/h, không hoạt động bằng điện	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.81.15	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm khác; máy đẩy chất lỏng: / - - Bơm: / - - - Bơm nước, với lưu lượng trên 8.000 m³/h nhưng không quá 13.000 m³/h	chiếc	15%	10%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.81.19	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm khác; máy đẩy chất lỏng: / - - Bơm: / - - - Loại khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8413.82.10	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm khác; máy đẩy chất lỏng: / - - Máy đẩy chất lỏng: / - - - Hoạt động bằng điện	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.82.20	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm khác; máy đẩy chất lỏng: / - - Máy đẩy chất lỏng: / - - - Không hoạt động bằng điện	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.91.10	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bộ phận: / - - Của bơm: / - - - Của bơm thuộc phân nhóm 8413.20.10	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.91.20	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bộ phận: / - - Của bơm: / - - - Của bơm thuộc phân nhóm 8413.20.20 và 8413.20.90	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.91.30	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bộ phận: / - - Của bơm: / - - - Của bơm thuộc phân nhóm 8413.70.11 và 8413.70.19	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.91.40	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bộ phận: / - - Của bơm: / - - - Của bơm ly tâm khác	chiếc	7,5%	5%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.91.90	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bộ phận: / - - Của bơm: / - - - Của bơm khác	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
8413.92.00	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bộ phận: / - - Của máy đẩy chất lỏng	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.